|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Logo, company name  Description automatically generated | **TRƯỜNG TRUNG HỌC VINSCHOOL**  **ĐỀ THI HỌC KÌ II - LỚP 11**  **NĂM HỌC 2021 - 2022**  **MÔN TOÁN - HỆ CHUẨN VINSCHOOL**  Thời gian bàm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề | |
|  |
| **ĐỀ THI CHÍNH THỨC CƠ BẢN**  (Đề thi có 05 trang) |
| **Họ, tên thí sinh:** …………………………………….  **Số báo danh:** ……………….………………………. | | **Mã đề 000** |

**Câu 1.** Giá trị của bằng

**A.** . **B.** 1. **C.**  . **D.** 2.

**Câu 2.** Giả sử và  với  là các số hữu hạn. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề sai là

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 3.** Giá trị của bằng

**A.** . **B.** . **C.** **.** **D.** .

**Câu 4.** Hàm số không liên tục tại là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 5.** Giá trị của tham số  để hàm số  liên tục tại điểm là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 6.** Khẳng định đúng là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 7.** Đạo hàm của hàm số  tại  là

**A.** 16. **B.** 128. **C.** 160. **D.** 80.

**Câu 8.** Đạo hàm của hàm số  là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 9.** Cho . Đạo hàm là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** 

**Câu 10.** Hàm số  có đạo hàm là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 11.** Đạo hàm của hàm số  là

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 12.** Cho hàm số . Phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại điểm  là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 13.** Gọi  là đồ thị của hàm số . Tiếp tuyến của  song song với đường thẳng  có phương trình là

**A.**  và . **B.**  và .

**C.**  và . **D.**  và .

**Câu 14.** Cho hàm số  có đồ thị . Tiếp tuyến của đồ thị  tạo với hai trục tọa độ lập thành một tam giác cân có phương trình là

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 15.** Cho . Đạo hàm cấp hai là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 16.** Một chất điểm chuyển động thẳng được xác định bởi phương trình 

( tính bằng giây,  tính bằng mét). Gia tốc của chuyển động khi  là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

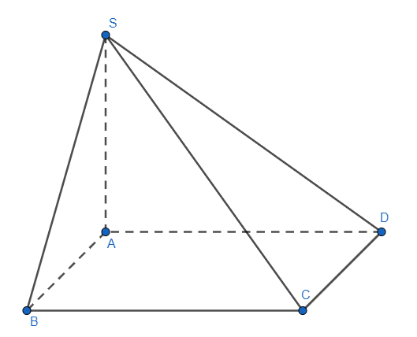
**Câu 17.** Cho tứ diện. Khẳng định đúng là

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Câu 18.** Cho hình chóp  có đáy là hình chữ nhật, cạnh bên  (hình vẽ).

Mệnh đề đúng là



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 19.** Cho hai đường thẳng phân biệt  và mặt phẳng , trong đó . Mệnh đề sai là

**A.** Nếu  thì . **B.** Nếu  thì .

**C.** Nếu  thì . **D.** Nếu  thì .

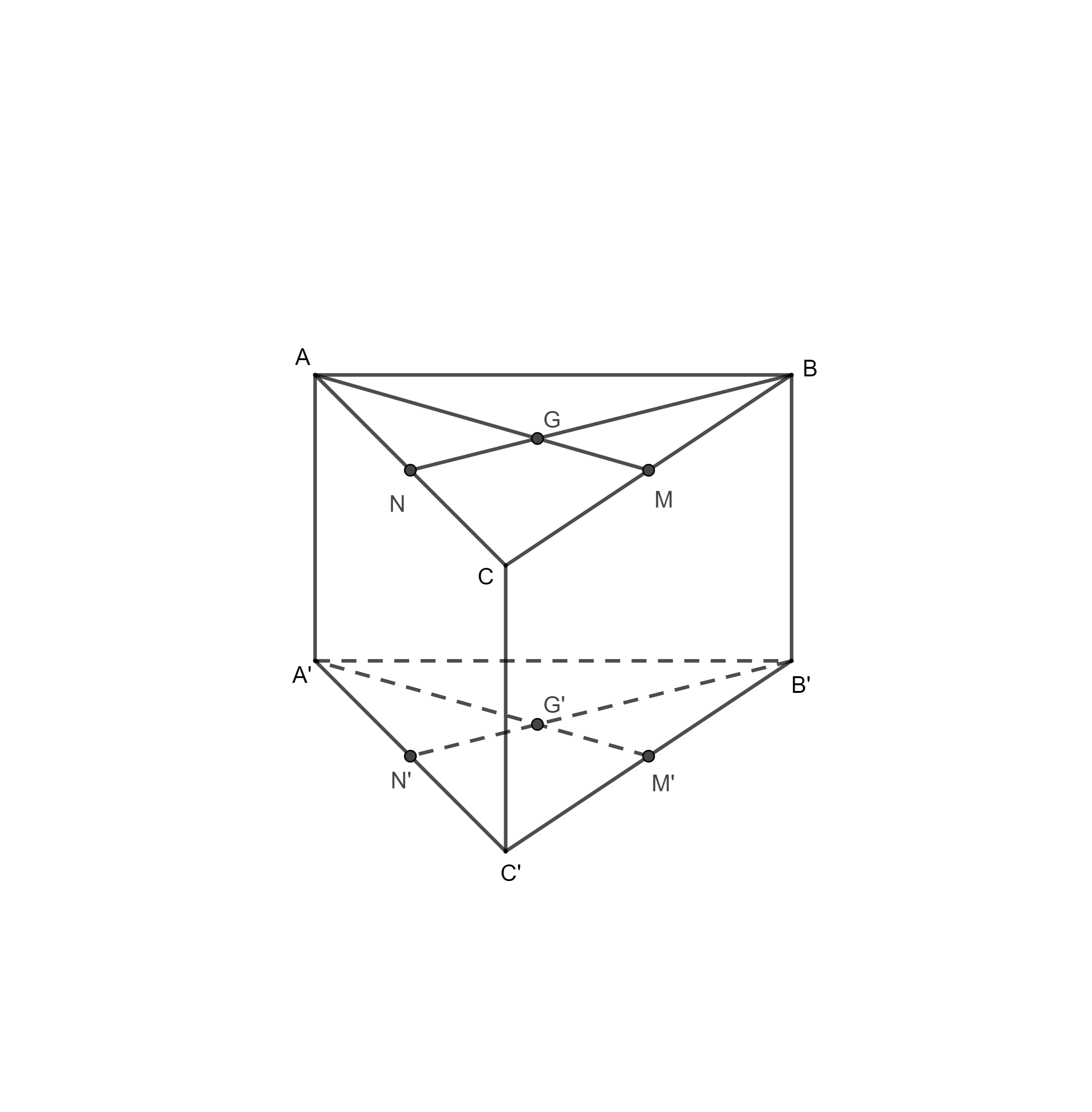
**Câu 20.** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông, . Gọi  là góc giữa  và mp Khẳng định đúng là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 21.** Cho hình chóp tứ giác đều có tất cả các cạnh đáy bằng , cạnh bên bằng . Góc giữa một mặt bên và mặt đáy bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 22.** Cho hình lăng trụ tam giác đều , gọi  lần lượt là trọng tâm của tam giác  và  (tham khảo hình vẽ). Khẳng định sai là



**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 23.** Khẳng định đúng là

**A.** Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song là khoảng cách giữa hai điểm bất kì của hai mặt phẳng.

**B.** Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song là khoảng cách giữa hai đường thẳng bất kì thuộc hai mặt phẳng.

**C.** Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song là khoảng cách từ một điểm bất kì của mặt phẳng này đến mặt phẳng kia.

**D.** Khoảng cách giữa hai mặt phẳng bất kì là khoảng cách từ một điểm của mặt phẳng này đến mặt phẳng kia.

**Câu 24.** Cho hình chóp  có đáy là hình vuông cạnh . Biết  vuông góc với đáy và  Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 25.** Cho hình chóp  có đáy  là tam giác vuông cân tại , mặt bên  là tam giác đều cạnh  và nằm trong mặt phẳng vuông góc với mặt đáy. Khoảng cách giữa hai đường thẳng  và  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

***------ HẾT ------***